

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2019/DS-PT
Ngày: 16-7-2019
V/v tranh chấp thừa kế, tranh
chấp quyền sử dụng đất và chia
tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất và chia tài sản chung.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 145/2019/QĐPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951;
2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1956;
3. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1956;

Cùng cư trú tại: Ấp H, xã Đ1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ngày 05/11/2018.

5. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1967, cư trú tại: Ấp P, xã S, huyện M, tỉnh Bến Tre.

6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976, cư trú tại: Ấp N1, xã S, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đ, ông D, bà C1, bà L là: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976, cư trú tại: Khu phố 5, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25/6/2016).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965, cư trú tại: Ấp H, xã Đ1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Cha mẹ của các nguyên đơn là cụ Nguyễn Văn T, sinh 1923 (chết năm 2008), cụ Bùi Thị T1, sinh 1929 (chết năm 2015) không để lại di chúc. Cụ T và cụ T1 có 06 người con gồm: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị C1 và Nguyễn Thị L. Sinh thời hai cụ tạo lập được 18.770m² đất và đã cho các con như sau: Nguyễn Văn Đ 3.000m², Nguyễn Văn D 3.000m², Nguyễn Thị C 1.500m², Nguyễn Thị C1 1.500m², Nguyễn Thị L 1.500m², Nguyễn Văn N 1.500m². Phần đất còn lại 6.770m², tọa lạc tại: Ấp H, xã Đ1 (qua đo đạc thực tế có tổng diện tích 6.797m² gồm các thửa 2767, 2787, 2833 và thửa 2780), do các đồng thừa kế không thống nhất phân chia di sản nên nay yêu cầu phân chia cụ thể như sau:

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tháng 04/1997) trong hộ cụ T gồm 04 thành viên: Nguyễn Văn T, Bùi Thị T1, Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn N. Trong phần diện tích 6.797m² yêu cầu dành ra 500m², thuộc một phần thửa 2780, tờ bản đồ số 3 làm thổ mộ cha mẹ. Phần diện tích còn lại 6.297m² gồm các thửa 2767, 2787, 2833 và phần còn lại của thửa 2780, tờ bản đồ số 3 có tổng giá trị 870.220.000 đồng sẽ chia đều làm 04 phần cho 04 thành viên trong hộ gồm: Cụ T, cụ T1, bà C và ông N (mỗi phần trị giá 217.555.000 đồng). Ông Đ, ông D, bà L, bà C1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất 02 phần của cha mẹ trong khối tài sản chung trị giá 435.110.000 đồng, 01 căn nhà trị giá 40.598.014 đồng và hoa lợi trên đất ông N thu hoạch từ tháng 9/2015 đến tháng 5/2018 là 600 trái dừa x 32 tháng = 134.400.000 đồng, tổng cộng 610.108.014 đồng chia làm 06 suất thừa kế, mỗi suất 101.684.669 đồng.

Ông N được nhận tổng giá trị 319.239.669 đồng, gồm: 01 phần thửa 2780, tờ bản đồ số 3 diện tích 1.216,3m², 01 căn nhà do ông N dỡ sau khi định giá và toàn bộ hoa lợi dựa thu hoạch nên ông N có trách nhiệm giao các thửa đất còn lại cho nguyên đơn và tiền chênh lệch giá trị 39.412.011 đồng cho 05 nguyên đơn mỗi người 7.882.402 đồng. Ông Đ, bà C1, bà C nhận sử dụng chung thửa 2767, diện tích 2.702,9m², ông D nhận thửa 2833, diện tích 1.621,3m², bà L nhận thửa 2787, diện tích 756,5m², cùng tờ bản đồ số 3 và yêu cầu mở lối đi có diện tích 153,2m² thuộc một phần thửa 2780 tính từ lộ đal đến giáp thửa 2787. Đối với yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp cho ông N thì các nguyên đơn không đồng ý.

Theo đơn phản tố và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ chết để lại. Khi cụ T chết năm 2008 thì ông về ở nhà thờ, phụ nuôi mẹ. Phần đất 2.700m², thuộc thửa 2767 đã được cha mẹ cho ông nhưng chỉ là nói miệng chứ không có giấy tờ gì. Khi cha mẹ chết đã hóa giá một phần đất thuộc thửa 2833 diện tích 1.640m² để làm mộ với giá 80.000.000 đồng, phần đất này hiện do ông D quản lý từ đó đến nay. Về công sức đóng góp ông có phụ lên bờ, lấp vũng, đắp nền nhà trên thửa 2780 và trồng 01 cây bưởi da xanh gần nhà thờ và cây trồng khác, vật kiến trúc là của cha mẹ để lại. Đối với thửa 2787 ông có trồng 26 cây dừa và 11 cây cau từ năm 1995 và đắp 01 bờ dừa khoảng 08m. Nay ông yêu cầu được thừa hưởng toàn bộ thửa 2767 để quản lý, sử dụng, về căn nhà do trước đây không có tranh chấp và bị hư nên ông dỡ xuống để tu sửa lại nay các nguyên đơn yêu cầu hoàn trả giá trị ông không đồng ý bồi thường, trường hợp nguyên đơn yêu cầu nhận nhà ông giao hết không yêu cầu nhận giá trị. Về thu hoạch hoa lợi dựa từ năm 2015 đến 2018 với số tiền 134.400.000 đồng là không có vì dựa thu hoạch không ổn định và giá cả cũng thay đổi, việc thu hoạch dựa dùng vào việc cúng giỗ và đi đám lại người khác nên các nguyên đơn yêu cầu hoàn trả giá trị ông cũng không đồng ý, việc để phần đất làm thổ mộ 500m² ông cho rằng đất thổ mộ đã có rồi, diện tích bao nhiêu thì ông không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

Cụ thể tuyên:

Ông Nguyễn Văn N được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.216,3m² thuộc một phần thửa 2780, tờ bản đồ số 3 (nay thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ số 22) tọa lạc tại: Ấp H, xã Đ1, huyện M, tỉnh Bến Tre (theo kỹ phân mà

minh được nhận).

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị C nhận sử dụng chung thửa 2767, tờ bản đồ số 3 (nay thuộc thửa 131, tờ bản đồ 28 diện tích 2.702,9m² tọa lạc tại: Ấp H, xã Đ1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn D nhận thửa 2833 (nay thuộc thửa 240, tờ bản đồ 28, diện tích 1.621,3m², tọa lạc tại: Ấp H, xã Minh Đức, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị L nhận thửa 2787, tờ 3 (nay là thửa 47, tờ bản đồ 22, diện tích 756,5m², tọa lạc tại: Ấp H, xã Đ1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Dành phần đất có diện tích 500m² thuộc thửa số 38A1, tờ bản đồ 22, tọa lạc tại: Ấp H, xã Đ1, huyện M, tỉnh Bến Tre do tất cả đồng thừa kế gồm Đ, D, N, Chăng, C1 và L cùng đứng tên quyền sử dụng chung.

Dành phần đất chiều ngang 1,5m chiều dài từ lộ bê tông đến cuối thửa 2780 qua đo đạc có diện tích 153,2m², tọa lạc tại: Ấp H, xã Đ1, huyện M, tỉnh Bến Tre dùng làm lối đi chung.

(có họa đồ hiện trạng kèm theo)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/3/2019 bị đơn ông Nguyễn Văn N kháng cáo yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, để lại phần đất có diện tích 2767, tờ bản đồ số 3 cho bị đơn quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế 6.797m² gồm các thửa 38, 47, 240 và 131, cùng tờ bản đồ số 28 (thửa cũ là 2780, 2787, 2733, 2767, tờ bản đồ số 3), tọa lạc tại: Ấp H, xã Đ1, huyện M, tỉnh Bến Tre được các đương

sự thống nhất nguồn gốc của hộ gia đình cụ Nguyễn Văn T, cụ Bùi Thị T1, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn N, do hai cụ chết không để lại di chúc nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ T, cụ T1 chết để lại, hàng thừa kế thứ nhất được xác định là ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn N.

[2] Trong quá trình thu thập chứng cứ bằng biện pháp định giá tài sản tranh chấp Tòa án cấp sơ thẩm không tách riêng giá trị của các thửa đất và cây trồng trên đất, không thể hiện khoảng tuổi cây, nguyên đơn cho rằng trong quá trình quản lý, sử dụng đất bị đơn không có công sức tu bổ, cải tạo và trồng cây trên đất, toàn bộ cây trồng trên đất là do cụ T, cụ T1 trồng. Bị đơn trình bày đã có công sức tu bổ và trồng cây trên đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh làm rõ lời trình bày của các đương sự để làm căn cứ giải quyết vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Mặc khác, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc ông N là người thu hoa lợi trên đất từ năm 2015 đến nay và cho rằng giá trị hoa lợi thu hoạch được ngang bằng với công sức đóng góp, tu bổ đất mà không dựa trên việc thu thập chứng cứ làm rõ là không có cơ sở.

[3] Đối với việc dành phần đất diện tích 500m² làm thổ mộ không được tất cả các đồng thừa kế đồng ý, việc phân chia thửa đất số 38 thành 03 phần giao cho ông N hai phần gồm phần phía ngoài giáp đường thuộc thửa 38A2 diện tích 224,5m² và phần phía trong 38B diện tích 838,6m², còn lại phần ở giữa thửa 38A1 diện tích 500m² làm đất thổ mộ sẽ gây khó khăn cho quá trình quản lý, sử dụng đất của người được phân chia. Đồng thời theo quy định tại khoản 3 Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 “ Trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong theo quy định tại khoản 2 Điều này mà không có đền bù”, như vậy khi chia di sản thừa kế phải dành lối đi cần thiết cho các đồng thừa kế nhận đất phía trong mà không có lối đi, Tòa án cấp sơ thẩm mở lối đi theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng lại tính diện tích mở lối đi vào kỷ phần thừa kế của ông N được nhận rồi buộc ông N phải chịu án phí đối với phần diện tích này là chưa phù hợp.

Từ những nhận định trên, do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập chứng cứ và chứng minh mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án dân sự sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử vụ án tranh chấp thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất và chia tài sản chung giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị L với bị đơn ông Nguyễn Văn N; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002339 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương

